**BÁO CÁO TIẾN ĐỘ TUẦN 1**

**1. Phân tích thiết kế hệ thống**

**Đăng ký/Đăng nhập**:

* Người dùng:

- Tạo tài khoản mới với thông tin cơ bản:

+ Họ tên

+ Email (hoặc số điện thoại)

+ Mật khẩu  
+ Xác nhận mật khẩu

- Đăng nhập:

+ Email/ Số điện thoại và mật khẩu

- Quên mật khẩu:

+ Gửi liên kết khôi phục mật khẩu qua email/SMS.

* Quản lý tài khoản cá nhân:

- Cập nhật thông tin cá nhân.

- Đổi mật khẩu.

* Quản trị viên (Chủ sân):

- Có tài khoản đặc biệt với quyền quản lý.

- Đăng nhập để truy cập trang quản trị.

**Đặt sân**

* Tìm kiếm sân trống:

- Bộ lọc tìm kiếm:

+ Vị trí sân

+ Ngày và giờ mong muốn.

+ Loại sân (5 người, 7 người).

- Kết quả hiển thị:

+ Danh sách sân phù hợp với điều kiện tìm kiếm.

+ Thông tin sân: tên sân, giá thuê, hình ảnh sân, trạng thái còn trống.

* Quy trình đặt sân:

1. Chọn sân: Người dùng chọn sân từ danh sách kết quả.

2. Chọn khung giờ: Chọn ngày và giờ cụ thể.

3. Xác nhận thông tin:

- Thông tin sân (tên sân, địa điểm).

- Thời gian đặt (ngày, giờ bắt đầu và kết thúc).

- Giá thuê.

4. Xác nhận đặt sân:

- Gửi thông báo sau khi đặt sân thành công.

5. Hủy đặt sân:

- Cho phép người dùng hủy đặt sân trước thời gian quy định (ví dụ: 3 giờ trước khi bắt đầu).

**Lịch sử đặt sân**

* Xem lịch sử:

- Danh sách các đơn đặt sân đã hoàn thành hoặc bị hủy.

- Mỗi mục hiển thị:

+ Tên sân.

+ Ngày và giờ đặt.

+ Giá thuê.

+ Trạng thái (Hoàn thành, Đã hủy).

* Chi tiết lịch sử:

- Thông tin chi tiết từng đơn đặt sân:

+ Thời gian đặt sân.

* Đánh giá sân:

- Người dùng có thể để lại đánh giá và bình luận sau khi hoàn thành đặt sân.

**Quản lý sân bóng**

* Chức năng dành cho chủ sân:

- Thêm sân mới:

+ Điền thông tin:

Tên sân.

Địa chỉ cụ thể.

Loại sân (5 người, 7 người).

Giá thuê theo giờ.

Hình ảnh sân.

- Chỉnh sửa thông tin sân:

+ Sửa thông tin cơ bản hoặc cập nhật trạng thái (còn trống/đang bảo trì).

- Xóa sân:

- Xóa sân không còn hoạt động.

* Quản lý lịch đặt sân:

- Xem danh sách đặt sân của khách hàng theo ngày.

- Kiểm tra các khung giờ còn trống.

- Cập nhật trạng thái đặt sân:

+ Đã xác nhận, Đang chờ, Đã hoàn thành.

- Tùy chỉnh lịch đặt sân (ví dụ: tạm ngừng hoạt động vào một ngày cụ thể).

**Giao diện và Tương tác**

* Người dùng thông thường:

- Giao diện thân thiện, hiển thị rõ ràng thông tin các sân và lịch đặt.

- Hỗ trợ tìm kiếm nhanh và thao tác đơn giản.

* Chủ sân (Quản trị viên):

- Bảng điều khiển tổng quan:

+ Doanh thu ngày/tuần/tháng.

+ Số lượng đặt sân.

+ Thống kê các sân phổ biến.

- Trang quản lý trực quan, dễ sử dụng để theo dõi và chỉnh sửa dữ liệu.

**2. Thiết kế cơ sở dữ liệu**

**Tạo bảng User (Đăng ký/Đăng nhập)**

CREATE TABLE Users (

user\_id INT AUTO\_INCREMENT PRIMARY KEY,

full\_name VARCHAR(100) NOT NULL,

email VARCHAR(100) UNIQUE NOT NULL,

phone VARCHAR(15) UNIQUE,

password VARCHAR(255) NOT NULL,

user\_role ENUM('user', 'admin') DEFAULT 'user',

created\_at TIMESTAMP DEFAULT CURRENT\_TIMESTAMP

);

**Tạo bảng Field (Quản lí sân bóng)**

CREATE TABLE Fields (

field\_id INT AUTO\_INCREMENT PRIMARY KEY,

field\_name VARCHAR(100) NOT NULL,

location VARCHAR(255) NOT NULL,

field\_type ENUM('5', '7', '11') NOT NULL,

price\_per\_hour DECIMAL(10, 2) NOT NULL,

description TEXT,

owner\_id INT NOT NULL,

status ENUM('active', 'inactive') DEFAULT 'active',

created\_at TIMESTAMP DEFAULT CURRENT\_TIMESTAMP,

FOREIGN KEY (owner\_id) REFERENCES Users(user\_id) ON DELETE CASCADE

);

**Tạo bảng Booking (Quản lí đặt sân)**

CREATE TABLE Bookings (

booking\_id INT AUTO\_INCREMENT PRIMARY KEY,

user\_id INT NOT NULL,

field\_id INT NOT NULL,

booking\_date DATE NOT NULL,

start\_time TIME NOT NULL,

end\_time TIME NOT NULL,

total\_price DECIMAL(10, 2) NOT NULL,

status ENUM('pending', 'confirmed', 'completed', 'cancelled') DEFAULT 'pending',

created\_at TIMESTAMP DEFAULT CURRENT\_TIMESTAMP,

FOREIGN KEY (user\_id) REFERENCES Users(user\_id) ON DELETE CASCADE,

FOREIGN KEY (field\_id) REFERENCES Fields(field\_id) ON DELETE CASCADE

);

**Tạo bảng Payment (Quản lý thanh toán)**

CREATE TABLE Payments (

payment\_id INT AUTO\_INCREMENT PRIMARY KEY,

booking\_id INT NOT NULL,

payment\_method ENUM('cash', 'online') NOT NULL,

amount DECIMAL(10, 2) NOT NULL,

payment\_date TIMESTAMP DEFAULT CURRENT\_TIMESTAMP,

status ENUM('success', 'failed') DEFAULT 'success',

FOREIGN KEY (booking\_id) REFERENCES Bookings(booking\_id) ON DELETE CASCADE

);

**Bảng Notifications (Quản lý thông báo)**

CREATE TABLE Notifications (

notification\_id INT AUTO\_INCREMENT PRIMARY KEY,

user\_id INT NOT NULL,

message TEXT NOT NULL,

status ENUM('unread', 'read') DEFAULT 'unread',

created\_at TIMESTAMP DEFAULT CURRENT\_TIMESTAMP,

FOREIGN KEY (user\_id) REFERENCES Users(user\_id) ON DELETE CASCADE

);

**3. Cài đặt và cấu hình XAMPP**

Cài đặt thành công và cấu hình XAMPP

